TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. P** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 70/2019/QĐST-DS	*P, ngày 21 tháng 11 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 13 tháng 11 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 112/2019/TLST- DS ngày 17 tháng 5 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1948
- Bị đơn: Anh Lê Hùng A, sinh năm 1970
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Chị Lê Thị Thu Th, sinh năm 1968

Chị Bà Lê Thị Th1, sinh năm 1977

Anh Lê Hùng S, sinh năm 1982

Anh Lê Hùng P, sinh năm 1984

Cùng địa chỉ: khu phố A, phường Đ, Thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Chia di sản thừa kế của ông Lê M là ½ phần đất nông nghiệp có diện tích 704m^2 : 2 = 352 m^2, thuộc thửa đất x, tờ bản đồ số y phường V (nay là thửa số 1xx tờ bản đồ địa chính số 1y), tọa lạc tại phường V, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận cho 6 người gồm: Bà Lê Thị T, chị Lê Thị Thu Th, anh Lê Hùng A, chị Lê Thị Thu Th1, anh Lê Hùng S, anh Lê Hùng P, mỗi người được nhận 58,6 m^2.

Chị Lê Thị Thu Th, chị Lê Thị Thu Th1, anh Lê Hùng S, anh Lê Hùng P đồng ý tặng cho phần thừa kế của mình cho bà Lê Thị T. Bà Lê Thị T đồng ý nhận kỷ phần được tặng cho.

Như vậy bà Lê Thị T có quyền sử dụng ½ phần đất nông nghiệp có diện tích 704m^2 : 2 = 352 m^2, thuộc thửa đất số x, tờ bản đồ số y phường V (nay là thửa số 1xx tờ bản đồ địa chính số 1x), tọa lạc tại phường V, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận. Cộng với Phần bà được chia di sản thừa kế của ông Lê M là 58,6 m^2 và Phần di sản do các con bà cho tặng. Tổng cộng bà Lê Thị T có quyền sử dụng 645,4 m^2 đất.

Bà Lê Thị T có quyền sử dụng thửa 6xx (tách từ thửa 1xx) tờ bản đồ địa chính số 1x phường V, thành phố P diện tích 645,4 m^2 theo Trích lục bản đồ địa chính có hồ sơ số 53xx/VPĐKĐĐNT- CNPRTC của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận chi nhánh P.

Vị trí tứ cận thửa đất số 6xx (tách từ thửa 1xx) tờ bản đồ địa chính số 1x phường V:

Phía Đông giáp thửa 62y.
Phía Tây giáp đường đi.
Phía Nam giáp thửa 60y
Phía Bắc giáp đường Tr.

Anh Lê Hùng A có quyền sử dụng thửa 6yy (tách từ thửa 1xx) tờ bản đồ địa chính số 1x phường V, thành phố P diện tích 58,6 m^2 theo Trích lục bản đồ địa chính có hồ sơ số 53xy/VPĐKĐĐNT- CNPRTC của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận chi nhánh P.

Vị trí tứ cận thửa đất 6yy (tách từ thửa 1xx) tờ bản đồ địa chính số 1x phường V:

Phía Đông giáp thửa 35y.
Phía Tây giáp thửa 62y.
Phía Nam giáp thửa 60y
Phía Bắc giáp đường Tr.

Bà Lê Thị T và anh Lê Hùng A có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. (có Trích lục bản đồ địa chính đính kèm).

Về chi phí đo đạc, định gía tài sản: Chi phí đo đạc, định gía tài sản là 3.095.000 đồng do anh Lê Hùng S nộp thay bà Lê Thị T. Bà T có nghĩa vụ hoàn lại

cho anh S 2.579.000 đồng, anh Lê Hùng A có nghĩa vụ hoàn lại cho anh Lê Hùng S 516.000 đồng.

Về án phí: Bà Lê Thị T do là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo điều 12 Nghị quyết 326 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Toà án. Hoàn lại cho bà Lê Thị T 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0018503 ngày 18/5/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự Thành phố P.

Anh Lê Hùng A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với 58,6 m^2 đất được nhận, trị giá tài sản: 70.000 đồng/m^2 x 58,6 m^2 = 4.102.000 đồng. Anh Lê Hùng A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng.

" Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (*đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án*) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (*đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án*) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác".

"Trường hợp bản án, quyết định, được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự"

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP.PR-TC;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Ninh Thị Kiều Hạnh